|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | | |  |  | | --- | --- | | **TRƯỜNG THCS ĐÔNG DƯ** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 7**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Thời gian làm bài: 45 phút** | | | | | | | | | | | | | |
| TT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | | Tổng | | | %  tổng điểm |
| Nhận biết | | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng  cao | | Số CH | | Thời gian (phút) |
| Số CH | | Thời gian  (phút) | Số CH | Thời gian  (phút) | Số CH | Thời gian  (phút) | Số CH | Thời gian  (phút) | TN | TL |
| 1 | I. Mở đầu về chăn nuôi | *1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi* | 1 | | 1.5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1.5 | 5 |
| 2 | II. Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi | *2.1. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi* | 2 | | 3 | 2 | 6 |  |  |  |  | 4 |  | 9 | 20 |
| 3 | III.  Thuỷ sản | *3.1. Giới thiệu về thuỷ sản* | 2 | | 3 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 3 | 10 |
| *3.2. Nuôi thuỷ sản* | 2 | | 3 | 3 | 9 | 1 | 5 | 1 | 5 | 5 | 2 | 22 | 45 |
| *3.3. Thu hoạch thuỷ sản* | 1 | | 1.5 | 1 | 3 | 1 | 5 |  |  | 2 | 1 | 9.5 | 20 |
| Tổng | | | 12 | | 12 | 8 | 6 | 1 | 15 | 1 | 10 | 20 | 2 | 45 | 100 |
| Tỉ lệ (%) | | | 30 | | | 20 | | 30 | | 20 | |  |  |  | 100 |
| Tỉ lệ chung (%) | | | 50 | | | | | 50 | | | |  | |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÔNG DƯ** | **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 7**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận biết | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| I. Mở đầu về chăn nuôi | 1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi | Nhận biết:  - Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế.  - Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt Nam | 1 |  |  |  |
| II. Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi | 2.1. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | Nhận biết:  - Nêu được các vai trò của việc vệ sinh chuồng trại trong chăn nuôi.  Thông hiểu:  - Nêu được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.  Vận dụng:  - Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình và địa phương. | 2 | 2 |  |  |
| III. Thuỷ sản | 3.1. Giới thiệu về thuỷ sản | Nhận biết:  - Trình bày được vai trò của thuỷ sản.  - Nhận biết được một số thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta. | 2 |  |  |  |
|  | 3.2. Nuôi thuỷ sản | Nhận biết:  - Nêu được quy trình nuôi một số loại thuỷ sản phổ biến.  - Trình bày được kỹ thuật chuẩn bị ao nuôi một loại thuỷ sản phổ biến.  - Nêu được kỹ thuật chuẩn bị con giống một loại thuỷ sản phổ biến.  - Trình bày được kỹ thuật chăm sóc một loại thuỷ sản phổ biến.  - Nêu được kỹ thuật phòng, trị bệnh cho một loại thuỷ sản phổ biến.  Thông hiểu:  - Giải thích được kỹ thuật chuẩn bị ao nuôi một loại thuỷ sản phổ biến.  - Giải thích được kỹ thuật chuẩn bị con giống một loại thuỷ sản phổ biến.  - Giải thích được kỹ thuật chăm sóc một loại thuỷ sản phổ biến.  - Giải thích được kỹ thuật phòng, trị bệnh cho một loại thuỷ sản phổ biến.  Vận dụng:  - Đo được nhiệt độ nước ao nuôi một loại thuỷ sản phổ biến.  - Đo được độ trong của nước ao nuôi một loại thuỷ sản phổ biến.  Vận dụng cao:  - Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi, chăm sóc một loại thuỷ sản phù hợp. | 2 | 3 | 1 | 1 |
|  | 3.3. Thu hoạch thuỷ sản | Nhận biết:  - Nêu được kỹ thuật thu hoạch một số loại thuỷ sản phổ biến.  Thông hiểu:  - Phân biệt được một số kỹ thuật thu hoạch thuỷ sản phổ biến.  Vận dụng:  - Vận dụng được kỹ thuật thu hoạch thuỷ sản vào thực tiễn gia đình, địa phương. | 1 | 1 | 1 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÔNG DƯ** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 7**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

**ĐỀ 1**

**I.TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)** **G*hi lại chữ trước đáp án đúng nhất***

Câu 1. Loài thủy sản nào không có giá trị kinh tế cao?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cá song | B. Tôm hùm |
| C. Cá ba sa. | D. Tôm đồng. |

Câu 2. Chuồng và dụng cụ chăn nuôi cần được làm sạch với tần suất như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Hằng tháng. | B. Hằng tuần. |
| C. Hằng ngày. | D. Sau mỗi lứa nuôi. |

Câu 3. Thời gian mỗi lần phơi đáy ao là:

A. 2 ngày B. 3 – 5 ngày

C. Trên 5 ngày D. 8 ngày

Câu 4. Việc **không nên** làm để phòng bệnh cho vật nuôi:

A. Giữ chuồng trại sạch sẽ, khô ráo B. Cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng

D. Tiêm vacxin đầy đủ, định kì C. Xây chuồng không có mái che

Câu 5. Hình ảnh sau đây thể hiện vai trò gì của thủy sản?



A. Cung cấp thực phẩm B. Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu  
C. Cung cấp nguồn thức ăn cho chăn nuôi D. Đáp ứng nhu cầu giải trí

Câu 6. Ý nào **không phải** vai trò của thuỷ sản?

A. Cung cấp thực phẩm B. Cung cấp nguyên liệu chế biến, xuất khẩu.

C. Cung cấp sức kéo D. Khẳng định chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc

Câu 7. Loại tôm nào là đối tượng xuất khẩu ở nước ta?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tôm lột | B. Tôm hùm Alaska. |
| C. Tôm càng xanh. | D. Tôm đồng. |

Câu 8. Đâu là thủy sản có giá trị xuất khẩu cao?

A. Tôm hùm B. Cá tra

C. Cá ba sa D. Cả 3 đáp án trên

Câu 9. Tại sao phải cải tạo ao nuôi?

A. Hạn chế mầm bệnh. B. Hạn chế địch hại.

C. Tạo môi trường tốt nhất cho cá phát triển. D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 10. Chăn nuôi là một phần thuộc lĩnh vực nào dưới đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Công nghiệp. | B. Nông nghiệp. |
| C. Thương mại. | D. Dịch vụ. |

Câu 11. Biểu hiện nào của động vật thuỷ sản **không** bị bệnh?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cá bơi mất thăng bằng. | B. Cá có vết lở loét trên cơ thể. |
| C. Cá lên ăn đều. | D. Tôm bị thay đổi màu sắc cơ thể. |

Câu 12. Rắc vôi bột vào đáy ao có tác dụng gì?

A. Cải tạo độ mặn cho nước ao. B. Tạo độ trong cho nước ao.

C. Tiêu diệt các mầm bệnh có trong đáy ao. D. Tăng lượng vi sinh vật trong ao

Câu 13. Có hình thức thu hoạch cá nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thu tỉa. | B. Thu toàn bộ. |
| C. Cả A và B đều đúng. | D. Cả A và B đều sai. |

Câu 14. Những ngành nghề nào phổ biến trong chăn nuôi ở nước ta?

A. Kĩ sư xây dựng, bác sỹ thú y B. Bác sỹ thú y, kĩ sư chăn nuôi

C. Kĩ sư lắp ráp, bác sỹ thú y D. Kĩ sư xây dựng, kĩ sư chăn nuôi

Câu 15. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.

A.Chăn nuôi nông hộ B. Chăn nuôi trang trại

C. Cả A và B đều đúng . C. Cả A và B đều sai.

Câu 16. Những việc nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi:

A. Tiêu hủy xác vật nuôi đúng quy định B. Vật nuôi bị bệnh mổ lấy thịt

C.Vật nuôi bị bệnh không báo cán bộ thú y D. Vứt xác vật nuôi xuống sông

Câu 17: Đặc điểm gà dưới 1 tháng tuổi?

A. Rất yếu B. Sức đề kháng tốt

C. Khó mắc bệnh D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 18**. Đâu là loại chó Phú Quốc?



Câu 19 Yêu cầu về cá giống:

A. Màu sắc tươi sáng B. Phản ứng nhanh nhẹn

C. Kích cỡ phù hợp D. Cả 3 đáp án trên

Câu 20. Trong phòng bệnh cho vật nuôi, vệ sinh môi trường không gồm:

A. Thu gom chất thải. B. Phun khử khuẩn.

C. Xử lí chất thải qua hầm Bioga. D. Cho vật nuôi ăn với lượng thức ăn nhiều.

**II. TỰ LUẬN (5 điểm)**

Câu 1. (3 điểm)Để bảo vệ nguồn lợi thủy sản cần thực hiện những biện pháp nào ?

Câu 2. (1 điểm) Vì sao giảm thức ăn vào ngày thời tiết xấu hoặc khi nước ao bẩn?

Câu 3. (1 điểm) Đề xuất những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản ở địa phương em?

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÔNG DƯ** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 7**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

**ĐỀ 2**

**I.TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) G*hi lại chữ trước đáp án đúng nhất***

Câu 1. Thủy sản là một phần thuộc lĩnh vực nào dưới đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Công nghiệp. | B. Nông nghiệp. |
| C. Thương mại. | D. Dịch vụ. |

Câu 2. Các  loại bệnh phổ biến nào ở gà?

A. Bệnh tiêu chảy B. Bệnh dịch tả

C. Bệnh cúm gia cầm D. Cả 3 đáp án trên

Câu 3. Nêu con số hợp lí cho việc sử dụng vôi bột rắc đáy ao?

A. 4 đến 7 kg/100m2 B. 5 đến 8 kg/100m2

C. 6 đến 9 kg/100m2 D. 7 đến 10 kg/100m2

Câu 4. Việc không nên làm để phòng bệnh cho vật nuôi:

A. Giữ chuồng trại sạch sẽ, khô ráo B. Cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng

C. Tiêm vacxin đầy đủ, định kì D. Xây chuồng không có mái che

Câu 5. Hình ảnh sau đây thể hiện vai trò gì của thủy sản?



A. Cung cấp thực phẩm B. Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu  
C. Cung cấp nguồn thức ăn cho chăn nuôi D. Đáp ứng nhu cầu giải trí

Câu 6. Ý nào **không phải** vai trò của thuỷ sản?

A. Cung cấp thực phẩm B. Cung cấp nguyên liệu chế biến, xuất khẩu.

C. Cung cấp sức kéo D. Khẳng định chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc

Câu 7. Đâu không là loại thủy sản có giá trị xuất khẩu cao?

A. Tôm hùm B. Cá tra

C. Cá ba sa D. Cá rô phi

Câu 8. Người ta cho cá ăn mấy lần trên ngày?

A. 1 B. 2

C. 3 D. 4

Câu 9. Tại sao phải cải tạo ao nuôi?

A. Hạn chế mầm bệnh. B. Hạn chế địch hại.

C. Tạo môi trường tốt nhất cho cá phát triển. D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 10. Làm thế nào để phòng bệnh cho cá nuôi?

A. Cải tạo, xử lý tốt ao nuôi trước khi thả con giống; cho ăn đúng kỹ thuật.

B. Cho cá ăn nhiều thức ăn tinh, thức ăn giàu đạm để tăng đề kháng.

C. Bổ sung nhiều thực vật thuỷ sinh vào ao nuôi tôm, cá.

D. Xử lý kịp thời những hiện tượng bất thường trong ao nuôi.

Câu 11. Biểu hiện nào của động vật thuỷ sản bị bệnh?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cá bơi mất thăng bằng. | B. Cá phát triển tốt. |
| C. Cá lên ăn đều. | D. Tôm không thay đổi màu sắc cơ thể. |

Câu 12. Rắc vôi bột vào đáy ao có tác dụng gì?

A. Cải tạo độ mặn cho nước ao. B. Tạo độ trong cho nước ao.

C. Tiêu diệt các mầm bệnh có trong đáy ao. D. Tăng lượng vi sinh vật trong ao

Câu 13. Có hình thức thu hoạch cá nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thu tỉa. | B. Thu toàn bộ. |
| C. Cả A và B đều đúng. | D. Cả A và B đều sai. |

Câu 14. Những ngành nghề nào phổ biến trong chăn nuôi ở nước ta?

A. Kĩ sư xây dựng, bác sỹ thú y B. Bác sỹ thú y, kĩ sư chăn nuôi

C. Kĩ sư lắp ráp, bác sỹ thú y D. Kĩ sư xây dựng, kĩ sư chăn nuôi

Câu 15. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.

A.Chăn nuôi nông hộ B. Chăn nuôi trang trại

C. Cả A và B đều đúng . C. Cả A và B đều sai.

Câu 16. Những việc nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi:

A. Tiêu hủy xác vật nuôi đúng quy định B. Vật nuôi bị bệnh mổ lấy thịt

C.Vật nuôi bị bệnh không báo cán bộ thú y D. Vứt xác vật nuôi xuống sông

Câu 17: Đặc điểm gà dưới 1 tháng tuổi?

A. Rất yếu B. Sức đề kháng tốt

C. Khó mắc bệnh D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 18**. Đâu là loại chó Nhật ?



Câu 19. Thức ăn nhân tạo của thủy sản gồm

A. Thức ăn thô B. Thức ăn viên

C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai.

Câu 20. Thức ăn gà có loại nào sau đây?

A. Thức ăn tự nhiên B. Thức ăn công nghiệp

C. Cả A và B đều đúng D. Đáp án khác

**II. TỰ LUẬN (5 điểm)**

Câu 1. (3 điểm) Trình bày các biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản?

Câu 2. (1 điểm) Theo em, hình thức thu tỉa được áp dụng trong trường hợp nào và có ý nghĩa như nào?

Câu 3. (1 điểm) Đề xuất những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản ở địa phương em?

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÔNG DƯ** | **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 7**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

TRẮC NGHIỆM (5 điểm): Mỗi câu 0,25 điểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Đề số 1 | Đề số 2 |
| 1 | D | B |
| 2 | D | D |
| 3 | B | D |
| 4 | D | D |
| 5 | D | B |
| 6 | C | C |
| 7 | C | D |
| 8 | D | B |
| 9 | D | D |
| 10 | B | A |
| 11 | C | A |
| 12 | C | C |
| 13 | C | C |
| 14 | B | B |
| 15 | C | C |
| 16 | A | A |
| 17 | A | A |
| 18 | C | A |
| 19 | D | C |
| 20 | D | C |

TỰ LUẬN (5 điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu | Đáp án | | Điểm |
| Đề số 1 | Đề số 2 |
| Câu 1 | - Xây dựng các khu bảo tồn biển, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái và phát triển nguồn lợi thủy sản.  - Hạn chế đánh bắt ở khu vực gần bờ, đặc biệt là vào mùa sinh sản; mở rộng vùng khai thác xa bờ.  - Thả các loại thủy sản quý hiếm vào một số nội thủy, vũng và vịnh ven biển nhằm làm tăng nguồn lợi, ngăn chặn giảm sút trữ lượng của những loài thủy sản quý hiếm.  - Nghiêm cấm đánh bắt thủy sản bằng hình thức có tính hủy diệt.  - Bảo vệ môi trường sống các loài thủy sản. | - Quản lý tốt chất thải, nước thải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường lây lan dịch bệnh.  - Thực hiện tốt các biện pháp quản lí, chăm sóc ao nuôi, đặc biệt là phòng chống dịch bệnh.  - Khuyến khích các hộ nuôi thủy sản tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản thâm canh.  - Hạn chế sử dụng kháng sinh hóa chất khuyến khích sử dụng các loại chế phẩm sinh học trong chăm sóc thủy sản và xử lý môi trường.  - Thường xuyên tuyên truyền vận động người dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường nuôi thủy sản. | 3 |
| Câu 2 | - Thời tiết xấu, cá tập trung ngoi lên ăn, gây thiếu ô xi, nguy hiểm cho sự sống của cá.  - Nước ao bẩn sẽ ảnh hưởng đến việc bắt mồi, khả năng tiêu hóa và sức khỏe của cá. | - Thu tỉa: thu những con to đạt tiêu chuẩn thu hoạch  - Giải thích: nhằm giảm mật độ cả nuôi trong ao, con nhỏ để nuôi tiếp. | 1 |
| Câu 3 | HS đề xuất những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản ở địa phương | Tương tự đề 1 | 1 |